TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2022
V/v: HNGĐ: Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Cẩm Hồng.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Nguyễn Phát Triển - Ông Đặng Văn Hai.

- T hư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 222/2021/TLST-HNGĐ, ngày 15/11/2021, về việc "tranh chấp Hôn nhân - gia đình ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 222A/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1987.
Địa chỉ: 66/4, ấp TT, xã PH, huyện LV, ĐT.
Bị đơn: Nguyễn Thanh K, sinh năm 1986.
Địa chỉ: 66/4, ấp TT, xã PH, huyện LV, ĐT.
Chị N có mặt, anh K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/10/2021, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Ánh N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Nguyễn Thanh K tổ chức đám cưới vào năm 2008, đến ngày 26/11/2010 có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Phong Hòa, huyện Lai Vung. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cự cãi với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị và anh K ly thân từ năm 2015 đến nay. Xét tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị N và anh K có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Ánh T, sinh ngày 13/7/2012, hiện con đang sống với chị N. Chị N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Thanh K đã được Tòa án nhân dân huyện Lai Vung tuyên bố mất tích tại Quyết định số: 04/2021/QĐDS-ST, ngày 29/6/2021 và Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Ánh N yêu cầu được ly hôn với bị đơn Nguyễn Thanh K, yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung. Anh K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Phong Hòa, huyện Lai Vung trước khi Tòa án tuyên bố mất tích và các yêu cầu khởi kiện của chị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Thanh K đã được Tòa án nhân dân huyện Lai Vung tuyên bố mất tích tại Quyết định số: 04/2021/QĐDS-ST, ngày 29/6/2021 và Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng nhưng anh K vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn, theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị N và anh K kết hôn vào năm 2008, đến ngày 26/11/2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, tuy nhiên quá trình chung sống giữa chị N và anh K phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, anh K không chăm lo gia đình, đến năm 2015 anh K bỏ địa phương đi, đã được Tòa án nhân dân huyện Lai Vung tuyên bố mất tích tại Quyết định số: 04/2021/QĐDS-ST, ngày 29/6/2021. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N và anh K trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ, theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Tại khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn".

Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy, chị N đang nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Ánh T, sinh ngày 13/7/2012, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Trong Tờ tường trình ngày 9/10/2021, cháu Tuyết có nguyện vọng được sống với chị N. Hội đồng xét xử xét thấy, chị N nuôi con từ khi vợ chồng ly thân đến nay và cháu Tuyết có nguyện vọng được sống với chị N nên tiếp tục giao con cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Hội đồng xét xử xét yêu cầu của chị N và nguyện vọng của cháu Tuyết không yêu cầu anh K cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bị đơn Nguyễn Thanh K đã được Tòa án nhân dân huyện Lai Vung tuyên bố mất tích tại Quyết định số: 04/2021/QĐDS-ST, ngày 29/6/2021 và Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa, nhưng anh K vắng mặt và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay văn bản nào phản bác về việc yêu cầu của nguyên đơn. Điều đó thể hiện bị đơn đã từ bỏ quyền phản bác, từ bỏ nghĩa vụ chứng minh về việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị Ánh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Ánh N.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh K.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ánh N được quyền nuôi dưỡng Nguyễn Ngọc Ánh T, sinh ngày 13/7/2012.

Chị Nguyễn Thị Ánh N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Thanh K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí và tạm ứng án phí:

Chị Nguyễn Thị Ánh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005842, ngày 11/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/5/2022). Đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND tỉnh, huyện LVg;
- CCTHADS huyện LVg;
- UBND xã Long Thắng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.